



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
KHOA ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH
CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ
TỰ ĐỘNG HOÁ
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC
MÃ SỐ: 52510303

Đà Nẵng, 10/2020

I. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Thông tin chung

1. Tên chương trình: Công nghệ Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá
2. Chuyên ngành:
3. Bậc: Đại học
4. Loại bằng: Kỹ sư
5. Loại hình đào tạo: Chính quy
6. Thời gian: 4 năm
7. Số tín chỉ: 131 tín chỉ
8. Khoa quản lý: Khoa Điện – Điện tử
9. Ngôn ngữ: Tiếng Việt
10. Ban hành: Theo Quyết định số 573/QĐ-ĐHSPKT, ngày 16 tháng 10 năm của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Chương trình này nhằm đào tạo ra những Kỹ sư thực hành ứng dụng ngành Công nghệ Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở chuyên ngành về điều khiển và tự động hoá; có khả năng phân tích, giải quyết vấn đề và đánh giá các giải pháp trong các hệ thống điều khiển tự động trong công nghiệp; có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; có năng lực thực hành nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành và xã hội.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu	Bằng Kỹ sư
O1	Có khả năng áp dụng kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức chuyên ngành về lĩnh vực điều khiển và tự động hóa trong công tác chuyên môn.
O2	Có khả năng phân tích và giải quyết vấn đề; khả năng tự nghiên cứu các kiến thức khoa học công nghệ tiên tiến để phát triển kỹ năng học tập suốt đời; có đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp.
O3	Có khả năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.
O4	Có khả năng tư vấn, thiết kế, tổ chức thi công và vận hành các hệ thống điều khiển và tự động hóa đáp ứng các yêu cầu thực tiễn về kinh tế, xã hội, môi trường, an toàn lao động và sản xuất bền vững.

1.3. Chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp từ chương trình Công nghệ Kỹ thuật điều khiển & Tự động hóa sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra	Bảng Kỹ sư
P1	Có khả năng vận dụng kiến thức toán học, khoa học cơ bản để giải quyết các vấn đề trong công tác và cuộc sống.
P2	Có khả năng áp dụng các kiến thức cơ sở kỹ thuật cốt lõi và cơ sở kỹ thuật nâng cao để giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực điều khiển và tự động hóa.
P3	Có khả năng áp dụng kiến thức để xác định, phân tích, giải quyết vấn đề cũng như tiến hành thử nghiệm, nghiên cứu các vấn đề thực tế trong lĩnh vực điều khiển, tự động hóa và một số lĩnh vực liên quan khác.
P4	Có tư duy về hệ thống, có khả năng hiểu về cấu trúc một hệ thống, thành phần hoặc quá trình theo thông số kỹ thuật nhất định và các yêu cầu trong lĩnh vực điều khiển và tự động hóa
P5	Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật và tác phong làm việc công nghiệp, có khả năng tự học và làm việc độc lập, không ngừng rèn luyện năng lực nghề nghiệp chuyên môn và những phẩm chất của người lao động.
P6	Có khả năng giao tiếp và làm việc theo nhóm để thực hiện công việc một cách hiệu quả.
P7	Có khả năng giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong giao tiếp thông thường và trong hoạt động chuyên môn. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu).
P8	Có khả năng nhận thức được tầm quan trọng về hoạt động kỹ thuật của lĩnh vực điều khiển và tự động hóa đối với môi trường, xã hội.
P9	Có khả năng thích ứng, làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực điều khiển, tự động hóa và một số lĩnh vực liên quan.
P10	Có khả năng đề xuất giải pháp, thiết kế, kiểm tra và vận hành các hệ thống điều khiển và tự động hóa trong công nghiệp
P11	Có kiến thức và sử dụng thành thạo máy tính và phần mềm chuyên ngành phục vụ công việc. SV tốt nghiệp đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT:

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra CTĐT										
	P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11
O1	X										
O2		X	X	X	X				X		
O3						X	X	X			
O4										X	X

1.4. Cơ hội nghề nghiệp

Kỹ sư Công nghệ ở phòng kỹ thuật hoặc quản lý điều hành sản xuất hoặc trực tiếp sản xuất tại các phân xưởng

Cán bộ kỹ thuật ở phòng thí nghiệm, đo lường, vận hành thiết bị kỹ thuật.

Cán bộ kỹ thuật tổ chức, vận hành các máy móc và thiết bị phục vụ sản xuất các sản phẩm công nghiệp và tiêu dùng.

Tham gia giảng dạy ở các cơ sở đào tạo các cấp.

1.5. Tuyển sinh - điều kiện nhập học

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức được công bố trong đề án tuyển sinh hằng năm. Điểm xét tuyển là điểm của tổ hợp môn được công bố trong thông báo tuyển sinh. Thí sinh phải đạt tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hội đồng tuyển sinh Đại học quy định, đồng thời đạt điểm chuẩn xét tuyển vào ngành do Hội đồng tuyển sinh công bố ở mỗi đợt xét tuyển.

1.6. Quá trình đào tạo

- Tín chỉ
- Tập trung
- Thời gian đào tạo 4 năm
- Số giờ lên lớp trung bình 25 tiết /tuần.

1.7. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp phải thỏa mãn các tiêu chí công nhận tốt nghiệp theo qui chế đào tạo tín chỉ của Bộ GD-ĐT, đồng thời phải đáp ứng các yêu cầu về chuẩn đầu ra của nhà trường về Ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm.

1.8. Khả năng phát triển nghề nghiệp:

- Sinh viên tốt nghiệp có cơ hội học lên bậc sau đại học: Thạc sĩ – Tiến sĩ
- Sinh viên có khả năng chuyển đổi chuyên ngành hoặc học thêm chuyên ngành thứ 2 phù hợp với ngành đào tạo
- Có khả năng tự học để thích ứng với môi trường làm việc và khả năng học tập suốt đời.

1.9. Chiến lược giảng dạy - học tập

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture) và phương pháp tham luận (Guest Lecture)

+ Giải thích cụ thể (Explicit Teaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

+ Thuyết giảng (Lecture): Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

+ Tham luận (Guest lecture): Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giảng viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

1.9.2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

+ Câu hỏi gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

+ Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối

mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

+ Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

1.9.3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm mô hình (Models), thực tập, thực tế (Field Trip), thí nghiệm (Experiment), dự án (Project) và nhóm nghiên cứu học tập (Study Research Team).

+ Mô hình (Models): là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giảng viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

+ Thực tập, thực tế (Field Trip): Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

+ Thí nghiệm (Experiment): Là phương pháp dạy học trong đó giảng viên sử dụng các thao tác thí nghiệm, sinh viên quan sát và thực hành các thí nghiệm đó theo hướng dẫn của giảng viên. Từ đó hướng đến mục tiêu dạy học.

+ Dự án (Project): Là phương pháp học trong đó giảng viên tổ chức cho sinh viên học thông qua các dự án hay công trình thực tế. Dự án ở đây được hiểu là những nhiệm vụ phức tạp từ các vấn đề mang tính chất kích thích người học tìm hiểu, khám phá. Từ đây người học sẽ tham gia vào thiết kế, đưa ra quyết định hay khảo sát các hoạt động có liên quan đến dự án. Với phương pháp học này, người học sẽ phải làm việc theo nhóm và khám phá những vấn đề gắn liền với cuộc sống, sau đó sẽ thuyết trình trước lớp và chia sẻ những gì họ đã làm được trong dự án của mình. Phương pháp học dựa trên dự án chú trọng tới những hoạt động học có tính chất lâu dài và liên môn, liên ngành và thường gắn với những vấn đề nảy sinh từ đời sống hiện tại. Bên cạnh đó, phương pháp học dựa trên dự án còn tạo ra những cơ hội nhằm giúp người

học theo đuổi được những sở thích của mình, và tự mình đưa ra quyết định về câu trả lời hay tìm ra giải pháp cho các vấn đề trình bày trong dự án.

+ Nhóm nghiên cứu học tập (Study Research Team): Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sỹ, tiến sỹ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

1.9.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giảng viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp được áp dụng theo chiến lược này gồm có phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Peer Learning).

+ Tranh luận (Debates): là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

+ Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

+ Học nhóm (Peer Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên

1.9.5. Tự học

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment). Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ

làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

1.9.6. Dạy học trực tuyến

Học tập trực tuyến (e-learning) là phương thức học tập trong đó sinh viên dùng các thiết bị kết nối Internet để có thể kết nối với giảng viên thông qua các công cụ dạy học thời gian thực, truy cập nguồn tài nguyên học tập được lưu trữ trên các nền tảng số. Giảng viên tương tác từ xa và có thể gửi học liệu số (hay học liệu điện tử) là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: giáo trình điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài kiểm tra đánh giá điện tử, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu được số hóa khác cho người học thông qua các hệ thống quản lý học tập LMS (Learning Management System).

E-learning với những ưu điểm trong dạy học làm thay đổi mạnh mẽ kỹ năng tự học của người học do khả năng cá nhân hóa cũng như đáp ứng hiệu quả các hoạt động học tập của người học. Cùng với sự phát triển của công nghệ, việc xây dựng môi trường học tập trực tuyến hiện đại, xây dựng các nội dung giảng dạy trực tuyến được phát triển theo hướng ngày càng tiếp cận gần hơn với người học.

1.10. Phương pháp đánh giá

Các phương pháp đánh giá được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

1.10.1. Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assignment), và đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

+ Đánh giá chuyên cần (Attendance Check): Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.

+ Đánh giá bài tập (Work Assignment): Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.

+ Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion): Trong một số môn học thuộc chương trình đào tạo, sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn

đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

1.10.2. Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong loại đánh giá này gồm có: Kiểm tra viết (Written Exam), Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Written Report), Thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment) và Đánh giá đồng cấp (Peer Assessment)

+ Kiểm tra viết (Written Exam): Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

+ Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam): Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

+ Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam): Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.

+ Báo cáo (Written Report): Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

+ Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion): Phương pháp đánh giá này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

+ Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment): Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Khung chương trình đào tạo

Số T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số tín chỉ	HP tiên quyết(*) HP học trước HP song hành(+)
			LT- BT	TH- TN	Th. tập		
I. Kiến thức Giáo dục Đại cương							
1. Các học phần bắt buộc							
1	5319001	Đại số tuyến tính	2	0	0	2	
2	5209001	Đường lối CM của ĐCSVN	3	0	0	3	NLCB của CNMLN I -
3	5319002	Giải tích I	3	0	0	3	
4	5413002	Ngoại Ngữ I	3	0	0	3	Ngoại Ngữ cơ bản(*) -
5	5413003	Ngoại Ngữ II	2	0	0	2	Ngoại Ngữ I -
6	5413004	Ngoại ngữ III	2	0	0	2	Ngoại Ngữ II -
7	5209002	NLCB của CNMLN I	2	0	0	2	
8	5209003	NLCB của CNMLN II	3	0	0	3	NLCB của CNMLN I -
9	5211005	Pháp luật đại cương	2	0	0	2	
10	5505082	TH Tin học văn phòng	0	1	0	1	Tin học văn phòng(+)
11	5505098	Tin học văn phòng	2	0	0	2	
12	5505108	Toán chuyên ngành	2	0	0	2	Giải tích I -
13	5209004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	2	NLCB của CNMLN I -
14	5305002	Vật lý Cơ - Nhiệt	2	0	0	2	
15	5305004	Vật Lý Điện - Từ	2	0	0	2	
16	5504085	Vẽ kỹ thuật	2	0	0	2	
Tổng số tín chỉ phải tích lũy bắt buộc học phần đại cương						35	
2. Các học phần tự chọn bắt buộc							
1	5505097	Tin học đại cương	2	0	0	2	
2	5305005	Vật Lý Quang - Nguyên tử	2	0	0	2	
3	5319005	Xác suất Thống kê	2	0	0	2	Giải tích I -
Tổng số tín chỉ tích lũy tự chọn bắt buộc đại cương						2	
3. Các học phần tự chọn tự do							
1	5413001	Ngoại Ngữ cơ bản	3	0	0	3	
2	5413005	Ngoại Ngữ IV	2	0	0	2	Ngoại ngữ III -
3	5413006	Ngoại Ngữ V	2	0	0	2	Ngoại Ngữ IV -
4	5505080	TH Tin học đại cương	0	1	0	1	Tin học đại cương(+)
Tổng số tín chỉ phải tích lũy các học phần giáo dục đại cương						37	
• Các học phần tích lũy Chứng chỉ thể chất & Chứng chỉ quốc phòng							
1	5502001	Giáo dục quốc phòng	0	0	4	4	
2	5013001	Giáo dục thể chất I	0	1	0	1	
3	5013002	Giáo dục thể chất II	0	1	0	1	
4	5013003	Giáo dục thể chất III	0	1	0	1	
5	5013004	Giáo dục thể chất IV	0	1	0	1	

• Các học phần kiến thức kỹ năng mềm – bắt buộc tích lũy 3 tín chỉ

1	5507014	Giáo dục Môi trường	1	0	0	1	
2	5502002	Khởi nghiệp - việc làm	1	0	0	1	
3	5502003	Kỹ năng giao tiếp	1	0	0	1	
4	5502004	Kỹ năng làm việc nhóm	1	0	0	1	
5	5502005	Phát triển dự án	2	0	0	2	
6	5502006	Phương pháp học tập NCKH	2	0	0	2	

II. Kiến thức Giáo dục Chuyên nghiệp

1. Các học phần cơ sở - bắt buộc

1	5505001	An toàn điện	1	0	0	1	Lý thuyết mạch I -
2	5505006	Cung cấp điện	2	0	0	2	Lý thuyết mạch I -
3	5505010	Điện tử cơ bản	3	0	0	3	Lý thuyết mạch I(+)
4	5505011	Điện tử công suất	3	0	0	3	Điện tử cơ bản -
5	5505018	Đồ án Điện tử công suất	0	0	2	2	Điện tử công suất -
6	5505025	Đồ án truyền động điện	0	1	0	1	Truyền động điện(+)
7	5505027	Đo lường điện - điện tử	2	0	0	2	Lý thuyết mạch I -
8	5505033	Khí cụ điện	2	0	0	2	
9	5505035	Kỹ thuật cảm biến	2	0	0	2	Điện tử cơ bản -
10	5505041	Kỹ thuật điều khiển tự động	2	0	0	2	Toán chuyên ngành -
11	5505048	Kỹ thuật xung số	3	0	0	3	Điện tử cơ bản -
12	5505050	Lý thuyết mạch I	2	0	0	2	Đại số tuyến tính - Giải tích I -
13	5505051	Lý thuyết mạch II	2	0	0	2	Lý thuyết mạch I -
14	5505055	Máy điện I	2	0	0	2	Lý thuyết mạch I -
15	5505056	Máy điện II	2	0	0	2	Máy điện I -
16	5505062	Nhập môn ngành KTĐK & TĐH	1	0	0	1	
17	5505066	TH Điện tử	0	2	0	2	Điện tử cơ bản(+)
18	5505072	TH lắp đặt điện dân dụng	0	1	0	1	Nhập môn ngành KTĐK & TĐH(+)
19	5505078	TH nhập môn ngành KTĐK & TĐH	0	1	0	1	Nhập môn ngành KTĐK & TĐH(+)
20	5505086	TH Xung số & ứng dụng	0	2	0	2	Kỹ thuật xung số -
21	5505092	Thực tập máy điện	0	0	2	2	Máy điện II(+)
22	5505099	TN Điện tử công suất	0	1	0	1	Điện tử công suất(+)
23	5505100	TN Đo lường và Cảm biến	0	1	0	1	Đo lường điện - điện tử(+) Kỹ thuật cảm biến(+)
24	5505102	TN mạch điện	0	1	0	1	Lý thuyết mạch I -
25	5505105	TN Máy điện	0	1	0	1	Máy điện II(+)
26	5505107	TN Truyền động điện	0	1	0	1	Truyền động điện(+)
27	5505111	Truyền động điện	2	0	0	2	Máy điện II(+)
28	5505115	Tư duy thiết kế	1	0	0	1	Nhập môn ngành KTĐK & TĐH -
Tổng số tín chỉ tích lũy bắt buộc học phần cơ sở ngành						48	

2. Các học phần chuyên ngành – bắt buộc

1	5505014	Điều khiển logic	3	0	0	3	Kỹ thuật xung số -
2	5505016	Điều khiển truyền động điện	2	0	0	2	Truyền động điện -

3	5505019	Đồ án điều khiển logic	0	0	2	2	Điều khiển logic -
4	5505024	Đồ án tốt nghiệp TDH	0	0	10	10	Điều khiển logic (*) Kỹ thuật vi điều khiển(*) -
5	5505026	Đồ án Vi điều khiển	0	0	2	2	Kỹ thuật vi điều khiển -
6	5505042	Kỹ thuật lập trình C	2	0	0	2	
7	5505046	Kỹ thuật vi điều khiển	3	0	0	3	Kỹ thuật lập trình C -
8	5505053	Mạng T. thông C. nghiệp & Hệ SCADA	2	0	0	2	Điều khiển logic -
9	5505057	Mô hình hóa và mô phỏng trên máy tính	2	0	0	2	Kỹ thuật điều khiển tự động -
10	5505067	TH Điện tử điều khiển	0	1	0	1	Điện tử cơ bản -
11	5505068	TH Điều khiển logic	0	2	0	2	Điều khiển logic (+) -
12	5505070	TH Kỹ thuật lập trình C	0	1	0	1	Kỹ thuật lập trình C(+) -
13	5505076	TH Mạng T. thông C. nghiệp & Hệ SCADA	0	1	0	1	Mạng T. thông C. nghiệp & Hệ SCADA(+) -
14	5505084	TH Vẽ sơ đồ điện (Autocad)	0	1	0	1	Lý thuyết mạch I -
15	5505085	TH Vi điều khiển	0	0	2	2	Kỹ thuật vi điều khiển(+) -
16	5505091	Thực tập điện công nghiệp	0	0	2	2	Điều khiển truyền động điện(+) -
Tổng số tín chỉ tích lũy bắt buộc học phần chuyên ngành						38	
3. Các học phần chuyên nghiệp - tự chọn bắt buộc							
1	5505013	Điều khiển ghép nối thiết bị ngoại vi	2	0	0	2	Kỹ thuật vi điều khiển -
2	5505015	Điều khiển số	2	0	0	2	Kỹ thuật điều khiển tự động -
3	5504015	Điều khiển thủy khí	2	0	0	2	Kỹ thuật điều khiển tự động -
4	5505032	Học kỳ doanh nghiệp TDH	0	0	2	2	Kỹ thuật vi điều khiển -, Điều khiển logic -
5	5505040	Kỹ thuật điều khiển nâng cao	2	0	0	2	Kỹ thuật điều khiển tự động -
6	5505044	Kỹ thuật Robot	2	0	0	2	Truyền động điện -
7	5505087	Thiết bị và Hệ thống tự động	2	0	0	2	Kỹ thuật điều khiển tự động -
8	5505095	Thực tập tốt nghiệp TDH	0	0	2	2	Kỹ thuật vi điều khiển -, Điều khiển logic -
Tổng số tín chỉ tích lũy tự chọn bắt buộc chuyên nghiệp						8	
Tổng số tín chỉ phải tích lũy phần giáo dục chuyên nghiệp						94	
Tổng cộng						131	

2.2. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA												
		Số TC	Loại HP	P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11
I. Các học phần khối Giáo dục Đại cương														
1. Các học phần bắt buộc														
1	Đường lối CM của ĐCSVN	3-0-0	1A					S				M		
2	NLCB của CNMLN I	2-0-0	1A					S				M		
3	NLCB của CNMLN II	3-0-0	1A					S				M		
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2-0-0	1A					S				S		
5	Pháp luật đại cương	2-0-0	1A					S				S		
6	Đại số tuyến tính	2-0-0	1A	S				M						

TT	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA													
		Số TC	Loại HP	P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11	
7	Giải tích	3-0-0	1A	S				M							
8	Toán chuyên đề	2-0-0	1A	S				M							
9	Vật Lý Điện - Từ	2-0-0	1A	S				W							
10	Vật lý Cơ - Nhiệt	2-0-0	1A												
11	Ngoại Ngữ I	3-0-0	1A					M		S		M		W	
12	Ngoại Ngữ II	2-0-0	1A					M		S		M		W	
13	Ngoại Ngữ III	2-0-0	1A					M		S		M		W	
14	Tin học văn phòng	2-0-0	1A					M				M		S	
15	TH Tin học văn phòng	0-0-1	1A					M				M		S	
16	Vẽ kỹ thuật	2-0-0	1A		M		M								
2. Giáo dục thể chất & quốc phòng															
17	Giáo dục quốc phòng	0-0-4	4					S				M			
18	Giáo dục thể chất I	0-1-0	4					S				M			
19	Giáo dục thể chất II	0-1-0	4					S				M			
20	Giáo dục thể chất III	0-1-0	4					S				M			
21	Giáo dục thể chất IV	0-1-0	4					S				M			
3. Học phần kỹ năng mềm															
22	Kỹ năng giao tiếp	1-0-0	3					M	S			W			
23	Kỹ năng làm việc nhóm	1-0-0	3					M	S			W			
24	Khởi nghiệp - việc làm	1-0-0	3					M	S			W			
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp															
1. Các học phần cơ sở - bắt buộc															
25	Điện tử cơ bản	3-0-0	1B		W	W									
26	An toàn điện	1-0-0	1B	W	W	M	W	M				W			
27	Lý thuyết mạch 1	2-0-0	1B	S	M	M	W	W					W		
28	Lý thuyết mạch 2	2-0-0	1B	S	M	M	W	W					W		
29	Nhập môn ngành KTĐK&TĐH	1-0-0	1B		M			W	W		S				
30	Đo lường điện- điện tử	2-0-0	1B		M	M	W					W	W		
31	Kỹ thuật xung số	3-0-0	1B		M	M	W						W	W	
32	Tư duy thiết kế	1-0-0	1B				S		M		W	W			
33	Khí cụ điện	2-0-0	1B		M	M	W								
34	Kỹ thuật điều khiển tự động	2-0-0	1B	S	S	S	S				W	W	M		
35	Kỹ thuật cảm biến	2-0-0	1B		M	M						W	S		
36	TH xung số và ứng dụng	0-2-0	1B		M	S		W	M				W		
37	TN đo lường và cảm biến	0-1-0	1B		M	S		W	W			W	W		
38	TN mạch điện	0-1-0	1B		M	S		W	W				W		
39	TH Lắp đặt điện dân dụng	0-2-0	1B		M	M	W	W	M						
40	TH điện tử	0-2-0	1B		M	S	M	W	M			W	W		
41	TH nhập môn KTĐK&TĐH	0-1-0	1B		W	M	S	M	W		W		W		
42	Máy điện 1	2-0-0	1B	W	M	M						W	M		
43	Máy điện 2	2-0-0	1B	W	M	M						W	M		
44	TN máy điện	0-1-0	1B		M	M		W	W			W	M		
45	Thực tập máy điện	0-0-2	1B		M	M		M	W			W	M		
46	Điện tử công suất	3-0-0	1B		M	M						W	M		
47	TN Điện tử công suất	0-1-0	1B		M	M		W	W			W	M		
48	Đồ án điện tử công suất	0-2-0	1B		M	M		M	W			W	M		
49	Truyền động điện	2-0-0	1B	W	W	M	M	W				W			

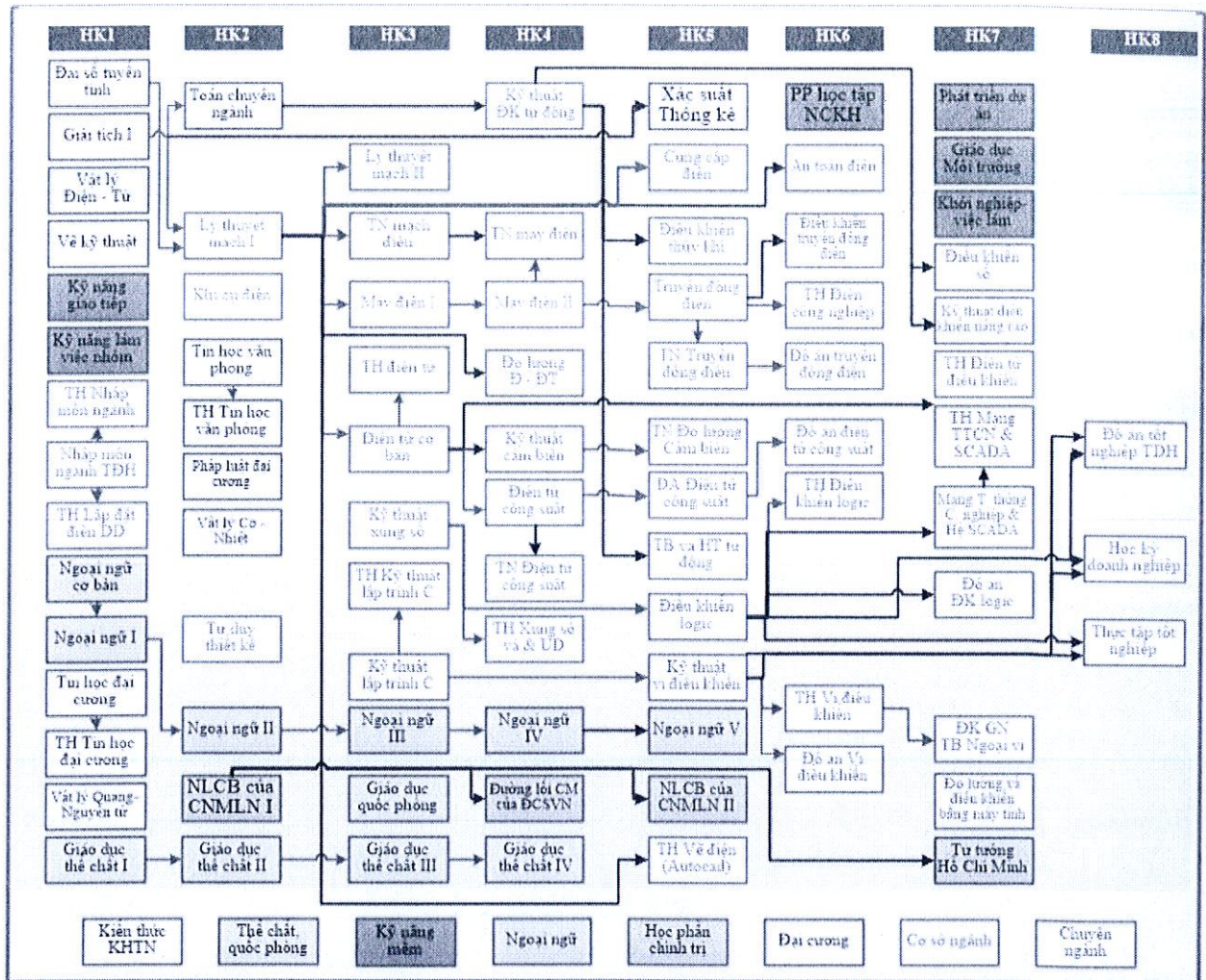
TT	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA													
		Số TC	Loại HP	P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9	P10	P11	
50	TN truyền động điện	0-1-0	1B		M	M		W	W			W	M		
51	Đồ án truyền động điện	0-1-0	1B		M	M		M	W			W	M		
52	Cung cấp điện	2-0-0	1B	W	W	M	M	W				W	W		
2. Các học phần chuyên ngành – bắt buộc															
53	Điều khiển logic	3-0-0	1C		S	S	M	M		W	W	S	S	W	
54	TH điều khiển logic	0-1-0	1C		S	S	M	M	W			W	M	W	
55	Đồ án điều khiển logic	0-2-0	1C		S	S	M	M	W	W		W	M	W	
56	Kỹ thuật lập trình C	2-0-0	1C	W	S	S	M			W		W	W	M	
57	TH kỹ thuật lập trình C	0-1-0	1C		S	M	M	M	W	W		W	W	S	
58	Điều khiển truyền động điện	2-0-0	1C		S	S	M	W				W	W		
59	Thực tập điện công nghiệp	0-0-2	1C		S	S	S	M	M		W	W	W		
60	Kỹ thuật vi điều khiển	3-0-0	1C		S	M	M	W		W		W		S	
61	TH vi điều khiển	0-2-0	1C		S	M	M	M	M			M	M	M	
62	Đồ án vi điều khiển	0-2-0	1C	W	S	M	M	M	M	W		M	M	M	
63	Mạng T. thông C. nghiệp & Hệ SCADA	2-0-0	1C	W	S	S	S	M		W	W	M	S	W	
64	TH Mạng T. thông C. nghiệp & Hệ SCADA	0-1-0	1C	W	S	S	S	M	M	W	W	M	S	W	
65	TH vẽ sơ đồ điện (Autocad)	0-1-0	1C		S		M	W		W		W	W	M	
66	TH điện tử điều khiển	0-1-0	1C		W	M		M	M						
67	Mô hình hóa và mô phỏng trên máy tính	2-0-0	1C		M	S	S	W				M	M		
68	Đồ án tốt nghiệp	0-0-10	1C	M	S	S	S	S	S	M	M	S	S	S	
3. Các học phần chuyên ngành – tự chọn bắt buộc															
69	Điều khiển thủy khí	2-0-0	2C	W	M	M	W					W	W		
70	Điều khiển số	2-0-0	2C	W	S	S	M				W	M	M	W	
71	Điều khiển ghép nối thiết bị ngoại vi	2-0-0	2C		S	S	M				W	M	M	W	
72	Kỹ thuật Robot	2-0-0	2C	W	M	M	M					M	M		
73	Kỹ thuật điều khiển nâng cao	2-0-0	2C		S	S	M					M	M		
74	Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2-0-0	2C		M	M	M							S	
75	Thiết bị và Hệ thống tự động	2-0-0	2C	M	S	S	M					M	S		
76	Học kỳ doanh nghiệp	0-0-2	2C		M	S	S	M	M	W	M	S	S	W	
77	Thực tập tốt nghiệp	0-0-2	2C		M	S	S	M	M	W	M	S	S	W	

Loại HP	Mô tả
1A	Học phần bắt buộc - đại cương
1B	Học phần bắt buộc - cơ sở
1C	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
2C	HP tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
3	Học phần tích lũy kỹ năng mềm
6	Học phần tự chọn tự do
4	Học phần tích lũy chứng chỉ
6	Học phần tự chọn tự do

Mức	Mức độ đáp ứng CĐR
W	Liên quan mức độ thấp (Weak)
M	Liên quan mức độ trung bình (Medium)
S	Liên quan chặt chẽ (Strong)

Ký hiệu	Mô tả
Ci	Chuẩn đầu ra bắt buộc

2.3. Cây chương trình



2.4. Kế hoạch đào tạo

Học Kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại HP
1		Ngoại Ngữ I	3	Học phần BB - đại cương
		Đại số tuyến tính	2	Học phần BB - đại cương
		Giải tích	3	Học phần BB - đại cương
		Vật Lý Điện - Từ	2	Học phần BB - đại cương
		Vẽ Kỹ Thuật	2	Học phần BB - đại cương
		Kỹ năng giao tiếp	1	Học phần kỹ năng mềm
		Kỹ năng làm việc nhóm	1	Học phần kỹ năng mềm
		Giáo dục thể chất I	1	Học phần tích lũy chứng chỉ
		Tin học đại cương	2	Học phần tự chọn tự do
		TH Tin học đại cương	1	Học phần tự chọn tự do
		Vật Lý Quang - Nguyên tử	2	Học phần tự chọn tự do
		Ngoại Ngữ cơ bản	3	Học phần tự chọn tự do
		Nhập môn ngành KTĐK & TĐH	1	Học phần BB - cơ sở
		TH Nhập môn ngành KTĐK & TĐH	1	Học phần BB - cơ sở

Học Kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại HP
		TH Lắp đặt điện dân dụng	1	Học phần BB - cơ sở
2		Tin học văn phòng	2	Học phần BB - đại cương
		TH Tin học văn phòng	1	Học phần BB - đại cương
		NLCB của CNMLN I	2	Học phần BB - đại cương
		Pháp luật đại cương	2	Học phần BB - đại cương
		Ngoại Ngữ II	2	Học phần BB - đại cương
		Toán chuyên ngành	2	Học phần BB - đại cương
		Vật lý Cơ - Nhiệt	2	Học phần BB - đại cương
		Giáo dục thể chất II	1	Học phần tích lũy chứng chỉ
		Tư duy thiết kế	1	Học phần BB - cơ sở
		Lý thuyết mạch 1	2	Học phần BB - cơ sở
		Khí cụ điện	2	Học phần BB - cơ sở
	3		Ngoại Ngữ III	2
		Giáo dục thể chất III	1	Học phần tích lũy chứng chỉ
		Giáo dục quốc phòng	4	Học phần tích lũy chứng chỉ
		Lý thuyết mạch 2	2	Học phần BB - cơ sở
		TN mạch điện	1	Học phần BB - cơ sở
		Máy điện 1	2	Học phần BB - cơ sở
		Điện tử cơ bản	3	Học phần BB - cơ sở
		TH Điện tử	2	Học phần BB - cơ sở
		Kỹ thuật xung số	3	Học phần BB - cơ sở
		Kỹ thuật lập trình C	2	Học phần BB - chuyên ngành
		TH Kỹ thuật lập trình C	1	Học phần BB - chuyên ngành
4		Đường lối CM của ĐCSVN	3	Học phần BB - đại cương
		Giáo dục thể chất IV	1	Học phần tích lũy chứng chỉ
		Ngoại Ngữ IV	2	Học phần tự chọn tự do
		Máy điện 2	2	Học phần BB - cơ sở
		TN Máy điện	1	Học phần BB - cơ sở
		TH Xung số & ứng dụng	2	Học phần BB - cơ sở
		Điện tử công suất	3	Học phần BB - cơ sở
		TN Điện tử công suất	1	Học phần BB - cơ sở
		Kỹ thuật điều khiển tự động	2	Học phần BB - cơ sở
		Đo lường điện - điện tử	2	Học phần BB - cơ sở
	Kỹ thuật cảm biến	2	Học phần BB - cơ sở	
5		NLCB của CNMLN II	1	Học phần BB - đại cương
		Xác suất Thống kê	2	Học phần tự chọn tự do
		Ngoại Ngữ V	2	Học phần tự chọn tự do
		Thực tập máy điện	1	Học phần BB - cơ sở
		Đồ án điện tử công suất	2	Học phần BB - cơ sở
		Truyền động điện	2	Học phần BB - cơ sở
		TN Truyền động điện	1	Học phần BB - cơ sở
	TN Đo lường & cảm	2	Học phần BB - cơ sở	

Học Kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại HP
		biến		
		Cung cấp điện	2	Học phần BB - cơ sở
		Kỹ thuật vi điều khiển	1	Học phần BB - chuyên ngành
		TH Vẽ điện (Autocad)	2	Học phần BB - chuyên ngành
		Thiết bị và Hệ thống tự động	2	Học phần TCBB - chuyên ngành
		Điều khiển thủy khí	2	Học phần TCBB - chuyên ngành
6		Phương pháp học tập NCKH	2	Học phần tự chọn tự do
		Đồ án truyền động điện	1	Học phần BB - cơ sở
		An toàn điện	1	Học phần BB - cơ sở
		Điều khiển logic	3	Học phần BB - chuyên ngành
		TH Điều khiển logic	2	Học phần BB - chuyên ngành
		Điều khiển truyền động điện	2	Học phần BB - chuyên ngành
		Thực tập điện công nghiệp	2	Học phần BB - chuyên ngành
		TH Vi điều khiển	2	Học phần BB - chuyên ngành
		Đồ án vi điều khiển	2	Học phần BB - chuyên ngành
7		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần BB - đại cương
		Khởi nghiệp - việc làm	1	Học phần kỹ năng mềm
		Phát triển dự án	2	Học phần tự chọn tự do
		Giáo dục Môi trường	1	Học phần tự chọn tự do
		Đồ án điều khiển logic	2	Học phần BB - chuyên ngành
		Mạng T. thông C. nghiệp & Hệ SCADA	2	Học phần BB - chuyên ngành
		TH Mạng T. thông C. nghiệp & Hệ SCADA	1	Học phần BB - chuyên ngành
		TH Điện tử điều khiển	1	Học phần BB - chuyên ngành
		Mô hình hóa và mô phỏng trên máy tính	2	Học phần BB - chuyên ngành
		Điều khiển số	2	Học phần TCBB - chuyên ngành
		Điều khiển ghép nối thiết bị ngoại vi	2	Học phần TCBB - chuyên ngành
		Kỹ thuật điều khiển nâng cao	2	Học phần TCBB - chuyên ngành
		Đo lường và điều khiển bằng máy tính	2	Học phần TCBB - chuyên ngành
8		Học kỳ doanh nghiệp	2	Học phần TCBB - chuyên ngành
		Thực tập tốt nghiệp	2	Học phần TCBB - chuyên ngành
		Đồ án tốt nghiệp	10	Học phần BB - chuyên ngành

2.5. Mô tả tóm tắt các học phần

Nhập môn ngành TĐH

Giới thiệu và định hướng về nghề nghiệp cho sinh viên ngành KTĐK & TĐH. Tư vấn công việc và địa chỉ mà sinh viên có thể tham gia tuyển dụng sau khi tốt nghiệp. Giới thiệu tổng quan về chuyên ngành KTĐK & TĐH.

TH Nhập môn ngành TĐH

Giúp sinh viên làm quen với thiết bị tự động hóa, các thiết bị và phần mềm lập trình điều khiển. Sinh viên có thể lắp ráp mô hình đơn giản và lập trình điều khiển theo một chủ đề nào đó.

Tư duy thiết kế

Học phần này trang bị cho các em sinh viên những kiến thức cơ bản về tư duy thiết kế. Sinh viên cũng được trang bị các công cụ và quy trình để thúc đẩy tư duy thiết kế: kỹ thuật và kinh nghiệm về nhận định vấn đề cần giải quyết, xây dựng và chọn lựa ý tưởng, thiết kế một nguyên mẫu theo ý tưởng đã chọn lọc.

Lý thuyết mạch 1

Giới thiệu các khái niệm và định luật cơ bản về mạch điện. Phân tích mạch ở chế độ xác lập điều hòa. Nghiên cứu mạng một cửa (hai cực), hai cửa (bốn cực) và mạch điện ba pha.

Lý thuyết mạch 2

Các khái niệm cơ bản về mạch điện phi tuyến và các phương pháp giải, các khái niệm về quá trình quá độ và các phương pháp giải, các khái niệm về mạch thông số rải và các phương pháp giải.

TN Mạch điện

Giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức về môn Mạch điện. Thông qua các bài thí nghiệm, sinh viên sẽ hiểu sâu và nắm vững kiến thức môn học: nắm được các thông số của mạch điện; kiểm nghiệm lại các công thức và các định luật trong mạch điện; hiểu được sự ảnh hưởng của các yếu tố khác nhau đến sự hoạt động của mạch điện.

Máy điện 1

Nghiên cứu các kiến thức chung về máy điện, về cấu tạo, nguyên lý làm việc máy biến áp và máy điện không đồng bộ. Dựa vào các định luật vật lý viết hệ phương trình mô tả sự làm việc của máy điện, từ đó thiết lập mạch điện thay thế, tính toán các quá trình năng lượng, đặc tính làm việc, nghiên cứu khai thác, sử dụng máy biến áp và máy điện không đồng bộ theo yêu cầu cụ thể.

Máy điện 2

Nghiên cứu về cấu tạo, nguyên lý làm việc máy điện đồng bộ và máy điện một chiều. Dựa vào các định luật vật lý viết hệ phương trình mô tả sự làm việc của máy điện, từ đó thiết lập mạch điện thay thế, tính toán các quá trình năng lượng, đặc tính làm việc, nghiên cứu khai thác, sử dụng máy điện đồng bộ và máy điện một chiều theo yêu cầu cụ thể.

TN Máy điện

Giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức về môn học Máy điện. Thông qua các bài TN, sinh viên sẽ hiểu sâu và nắm vững kiến thức môn học. Hiểu rõ về cấu tạo, nguyên lý làm việc và

phương pháp vận hành các loại máy điện. Xây dựng được các đường đặc tính của các loại máy điện cơ bản. Lấy được các thông số làm việc của các loại máy điện. Tính toán được các thông số ảnh hưởng đến sự hoạt động của các loại máy điện. Nắm bắt một cách trực quan kết quả TN bằng máy tính.

TH máy điện

Học phần này giúp sinh viên nắm được cấu tạo của dây quấn máy điện, từ đó thiết lập được các sơ đồ dây quấn cơ bản của động cơ điện xoay chiều. Thực hiện tính toán và sửa chữa dây quấn.

Điện tử cơ bản

Môn học Điện tử cơ bản nhằm cung cấp toàn bộ nội dung về cấu tạo, nguyên lý hoạt động, các thông số, cách nhận biết các linh kiện điện tử và các mạch điện tử ứng dụng cơ bản như mạch khuếch đại, mạch tạo dao động, một số mạch xung-số và các mạch nguồn ổn áp. Ngoài ra môn học này còn trình bày các mạch điện tử ứng dụng sử dụng UJT, SCR trong các mạch điều khiển nhiệt độ, nghịch lưu, biến tần, điều khiển và ổn định tốc độ động cơ, nung nóng cao tần, các loại nguồn ổn áp đang được sử dụng trong công nghiệp.

TH điện tử

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng nghề cơ bản ban đầu mới bước vào lĩnh vực TH điện tử. Qua học phần này sinh viên phải làm được những việc cụ thể là: nhận dạng, kiểm tra, sử dụng được hết các linh kiện điện tử như điện trở, tụ điện, các linh kiện bán dẫn.... Sử dụng được các dụng cụ chuyên dùng cho TH, hàn và tháo linh kiện, kỹ thuật làm mạch in và lắp ráp đo thử một số mạch đơn giản.

Kỹ thuật xung số

Các chủ đề trọng tâm của học phần: khái niệm cơ bản về tín hiệu xung, mạch biến đổi dạng xung, khoa điện tử, dao động tạo xung, hệ thống số đếm, đại số Boolean và các phương pháp biểu diễn- tối thiểu hàm Boolean, các cổng logic cơ bản, hệ logic tổ hợp và hệ logic tuần tự.

TH xung số và ứng dụng

TH Kỹ thuật xung số giúp sinh viên hệ thống hóa lại các kiến thức đã được học trong các học phần Kỹ thuật xung số. Nội dung của học phần gồm các bài TH khảo sát hoạt động và các thông số kỹ thuật của các mạch tạo xung, các mạch số. Thực hiện các bài tập lập trình và xử lý chương trình trên vi xử lý.

Điện tử công suất

Các khái niệm cơ bản. Linh kiện bán dẫn và điện tử. Các bộ chỉnh lưu. Các bộ nghịch lưu và biến tần. Các bộ biến đổi và biến tần trực tiếp. Các bộ biến đổi một chiều kiểu băm xung. Các bộ bù cosφ.

TN Điện tử công suất

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức thực nghiệm và kiểm chứng lý thuyết về các linh kiện điện tử công suất, các bộ biến đổi điện tử công suất như: bộ chỉnh lưu, bộ biến đổi điện áp một chiều, bộ biến đổi điện áp xoay chiều, bộ nghịch lưu. Thông qua các bài TN, sinh viên có khả năng đọc sơ đồ nguyên lý, lắp ráp mạch, kiểm tra và phân tích hoạt động của các mạch điện tử công suất.

Truyền động điện

Những nguyên tắc xây dựng hệ điều khiển truyền động điện. Mô hình toán học trong hệ điều khiển truyền động điện. Các phương pháp phân tích và tổng hợp hệ điều khiển truyền

động điện. Phân tích và tổng hợp hệ điều khiển truyền động điện động cơ một chiều và động cơ không đồng bộ. Điều khiển vector động cơ không đồng bộ.

TN Truyền động điện

Phương pháp điều khiển và khởi động động cơ điện một chiều xoay chiều công suất lớn, xây dựng đặc tính cơ và đặc tính cơ điện, điều khiển động cơ không đồng bộ dùng biến tần.

Đồ án Truyền động điện

Mô tả học phần nhằm giải quyết một bài toán thực tế trong lĩnh vực truyền động điện liên quan đến động cơ DC và động cơ AC như : đặc tính tốc độ, đặc tính cơ tự nhiên và đặc tính cơ nhân tạo, các thông số ảnh hưởng đến dạng đặc tính cơ, cách vẽ đặc tính cơ, các phương pháp khởi động và điều khiển động cơ ở các chế độ làm việc khác nhau như nâng, hạ tải theo yêu cầu và các trạng thái hãm của động cơ điện.

Kỹ thuật Điều khiển Tự động

Nhập môn lý thuyết điều khiển: Nhiệm vụ của lý thuyết điều khiển. Mô tả tín hiệu; điều khiển hệ một vào, một ra (SISO) liên tục tuyến tính: mô tả hệ thống. Phân tích hệ thống. Xác định tham số cho bộ điều khiển PID. Hướng dẫn sử dụng MATLAB Control Toolbox và Simulink Toolbox; Điều khiển hệ một vào - một ra (SISO) không liên tục, tuyến tính: Mô tả tín hiệu. Mô tả hệ thống. Phân tích hệ thống. Xác định tham số cho bộ điều khiển PID số. Hướng dẫn sử dụng MATLAB Control Toolbox và Simulink Toolbox.

Đo lường điện – điện tử

Giới thiệu cơ sở lý thuyết của kỹ thuật đo lường; các khái niệm cơ bản và định nghĩa, mạch đo và thiết bị đo, đo lường những đại lượng điện (dòng điện, điện áp, công suất, điện năng, góc pha, tần số...), đo thông số của mạch điện. Các nguyên lý và phương pháp đo lường tín hiệu điện tử bằng các thiết bị đo điện tử

TN đo lường và cảm biến

Thí nghiệm đo lường các đại lượng: độ dịch chuyển, góc, tốc độ; đo RLC dựa trên các mạch cầu và phương pháp trở kháng. Thí nghiệm với các cảm biến tiệm cận điện cảm, cảm biến từ trường, cảm biến sợi quang và cảm biến điện tử, cảm biến điện dung, cảm biến điện cảm tương tự, cảm biến siêu âm.

An toàn điện

Cung cấp kiến thức lý thuyết cơ bản về an toàn điện và các biện pháp đảm bảo an toàn cho người khỏi điện giật, cách tính toán dòng điện qua người trong các điều kiện khác nhau khi tiếp xúc với mạch điện và các chế độ, chính sách về an toàn điện.

Cung cấp điện

Trình bày các kiến thức về cung cấp điện xí nghiệp công nghiệp, các phương pháp tính toán kinh tế-kỹ thuật, phương pháp xác định phụ tải điện, tính toán tổn thất điện năng và phương pháp tính toán hệ thống cung cấp điện cho các xí nghiệp công nghiệp, nhà cao tầng và các công trình đô thị.

Khí cụ điện

Giới thiệu cơ sở lý thuyết về khí cụ điện : giới thiệu chung, lực điện động trong khí cụ điện, sự phát nóng trong khí cụ điện, hồ quang điện, tiếp xúc điện,... Giới thiệu các khí cụ điện được sử dụng trong hệ thống phân phối điện năng, hệ thống điều khiển, hệ thống điện hạ áp.

Điều khiển logic



Lý thuyết cơ sở. Mạch tổ hợp và mạch trình tự. Bộ điều khiển lập trình PLC. Phương pháp lập trình PLC. Ngôn ngữ lập trình LADDER. Kỹ thuật lập trình điều khiển trình tự. Các chức năng chuyên dụng trên PLC. Những ứng dụng của PLC. Lựa chọn, lắp đặt, kiểm tra và bảo trì hệ thống PLC

Điều khiển truyền động điện

Giới thiệu các khái niệm về điều khiển tự động trong hệ thống truyền động điện, các phần tử tự động và tìm hiểu phương pháp, sơ đồ tự động điều khiển các loại động cơ điện không đồng bộ, động cơ điện đồng bộ và động cơ điện một chiều.

Đồ án điều khiển logic

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để thiết kế một hệ thống PLC. Sinh viên có thể tự đưa ra ý tưởng thiết kế mạch điều khiển, mạch động lực, xây dựng thuật toán và viết chương trình điều khiển. Thực hiện mô phỏng hệ thống điều khiển PLC bằng một số phần mềm thông dụng.

Đồ án tốt nghiệp

Vận dụng các kiến thức đã được học, SV thực hiện việc nghiên cứu một hệ thống điều khiển và tự động hóa, tính toán và xây dựng một mô hình hệ thống tự động hóa có thể phát triển, ứng dụng vào thực tế đời sống và sản xuất công nghiệp hoặc nghiên cứu một hệ thống tự động hóa trong thực tế.

Học kỳ doanh nghiệp

Sinh viên thực tập tại một cơ sở sản xuất, làm quen và thực hiện các công việc của một người cán bộ kỹ thuật chuyên ngành Điện công nghiệp. Kết quả thực tập được đánh giá bởi cán bộ tại cơ sở sản xuất và giáo viên hướng dẫn theo đề cương chi tiết được thông qua trước khi thực hiện học kỳ doanh nghiệp.

Kỹ thuật cảm biến

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý cấu tạo, cơ chế hoạt động, các thông số, phạm vi ứng dụng của cảm biến và cơ cấu chấp hành. Trang bị những kiến thức cơ bản cho sinh viên nhằm tạo cơ sở để lựa chọn cảm biến trong thiết kế các hệ thống tự động hóa trong điện công nghiệp

Kỹ thuật Robot

Môn học Trang bị cho sinh viên chuyên ngành điện kiến thức cơ bản về Robot trong công nghiệp. Trình bày các kiến thức căn bản về lý thuyết, cấu trúc và cơ cấu động học của Robot. - Ngoài ra còn nghiên cứu cơ sở điều khiển và hệ thống điều khiển Robot, các ứng dụng của Robot trong công nghiệp.

Kỹ thuật vi điều khiển

Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kiến trúc cơ bản của một hệ thống sử dụng Vi xử lý, kiến thức cơ bản cấu trúc bên trong của hệ thống Vi điều khiển, ứng dụng Vi điều khiển trong thực tế. Với môn học này chọn họ Vi điều khiển MCS – 51 (8051) làm nội dung để cung cấp sinh viên hiểu cách lập trình và ứng dụng của VĐK qua các chức năng của nó. Kết thúc môn học, sinh viên có đủ kiến thức để thiết kế các hệ thống nhúng dựa trên Vi điều khiển 8051, và viết chương trình cho hoạt động của nó.

TH điều khiển logic

Giúp cho sinh viên nắm vững cấu tạo của các loại PLC trong công nghiệp, các họ PLC S7 – 200, S7 – 300 của SIEMENS, sinh viên có thể tiếp cận các thiết bị, đấu nối với các thiết bị, tìm hiểu các ngôn ngữ lập trình STL, FBD, LAD và hoàn chỉnh các bài thực hành theo yêu

cầu đề ra, cũng như giải quyết các bài toán ứng dụng PLC trong sản xuất tự động, tự thiết kế chương trình và lập trình điều khiển các mô hình ứng dụng PLC trong công nghiệp.

Đồ án điều khiển logic

Học phần này giúp sinh viên hệ thống hóa lại các kiến thức đã học ở HP điều khiển logic, rèn luyện kỹ năng lập trình PLC, thiết kế mô hình và lập trình điều khiển mô hình theo một yêu cầu công nghệ nào đó.

TH điện công nghiệp

Học phần thực hành điện công nghiệp giúp sinh viên hiểu biết cấu tạo và đặc điểm của các loại mạch điều khiển trong các máy công cụ. Biết các nguyên tắc lắp đặt các mạch điều khiển cơ bản, sửa chữa và lắp đặt được các mạch điều khiển thường gặp trong các máy sản xuất.

Thực hành vi điều khiển

Cung cấp kiến thức về các mạch điện và phần mềm hỗ trợ; thực hành với các lệnh điều khiển động cơ – đèn; điều khiển dây led đơn; điều khiển led 7 đoạn đơn giản; tạo ứng dụng đồng hồ số bằng led 7 đoạn; điều khiển led ma trận; sử dụng thành thạo các ngắt của vi điều khiển để lập trình giả lập đa tác vụ.

Đồ án vi điều khiển

Học phần nhằm củng cố kiến thức về vi điều khiển, rèn luyện kỹ năng lập trình, lập trình ứng dụng cho vi điều khiển. Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng hiện thực hóa các ứng dụng vi điều khiển từ các khâu thiết kế nguyên lý, mô phỏng chương trình, thiết kế mạch in và lắp ráp tạo ra sản phẩm ứng dụng vi điều khiển.

Điều khiển ghép nối thiết bị ngoại vi

Môn học cung cấp các kiến thức cơ sở về kỹ thuật ghép nối thiết bị ngoại vi: ghép nối và điều khiển qua cổng song song LPT, thiết kế card giao tiếp máy tính, ghép nối qua cổng RS232 và thiết kế giao tiếp với vi điều khiển.

TH vẽ sơ đồ điện (Autocad)

Học phần này trình bày một số quy định về bản vẽ sơ đồ điện, giới thiệu và hướng dẫn cách đọc các sơ đồ điện. Giới thiệu và ứng dụng phần mềm Autocad để vẽ các sơ đồ trong hệ thống cung cấp điện.

TH Lắp đặt điện dân dụng

Học phần TH lắp đặt điện dân dụng giúp sinh viên làm quen với các thiết bị điện dân dụng, biết phương pháp và kỹ năng lắp đặt mạch điện dân dụng đúng kỹ thuật và an toàn.

Mạng T. thông C. nghiệp & Hệ SCADA

Môn học này trang bị cho người học các nội dung về các kỹ thuật truyền số liệu, dồn kênh, tách kênh, kỹ thuật sửa sai, điều khiển luồng và áp dụng vào mạng PLC như mạng CAN, Profibus, mạng AS-I; cấu trúc kết nối mạng, tiêu chuẩn, nghi thức hoạt động của các hệ thống thiết bị điều khiển lập trình nối mạng. Các thành phần của hệ thống SCADA trong hệ thống tự động hóa; Hệ thống các thiết bị chấp hành; Các thiết bị vào ra đầu cuối từ xa RTU (Remote Terminal Units) hoặc là các khối điều khiển logic khả trình PLC (Programmable Logic Controllers), Trạm điều khiển giám sát trung tâm; Hệ thống truyền thông; Giao diện người - máy HMI; Cách thức tích hợp phần cứng, phần mềm để xây dựng một hệ thống SCADA trong thực tiễn.

TH Mạng T. thông C. nghiệp & Hệ SCADA

Học phần này nhằm củng cố kiến thức của HP Mạng T. thông C. nghiệp & Hệ SCADA, thực hành kết nối mạng PLC như mạng CAN, Profibus, mạng AS-I. Thực hành giao diện người – máy (HMI).

Điều khiển số

Môn học cung cấp các kiến thức về biến đổi z, mô hình hoá hệ thống điều khiển số, phân tích tính ổn định của hệ thống điều khiển số, phân tích chất lượng của hệ thống điều khiển số, thiết kế hệ thống điều khiển số.

Mô hình hóa và mô phỏng trên máy tính

Môn học này trang bị cho người học các nội dung mô hình toán các phần tử của mạch điện, mô hình chế độ, các hệ thống tự động và trình tự mô phỏng các trạng thái quá độ của hệ thống tự động; giới thiệu các phần mềm mô phỏng và các ứng dụng chuyên ngành.

Thiết bị và Hệ thống tự động

Cung cấp kiến thức cơ sở về thiết bị và hệ thống tự động trong công nghiệp, các loại cảm biến cơ bản trong công nghiệp; các mạch xử lý tín hiệu đo; các thiết bị công suất và chấp hành thông dụng; các bộ điều khiển cơ bản trong công nghiệp; các thiết bị giao tiếp người – máy; nguyên lý vận hành các hệ thống điều khiển trong công nghiệp; cung cấp phương pháp tìm kiếm, tra cứu tài liệu, catalog của thiết bị; các ví dụ và ứng dụng cụ thể về thiết bị và hệ thống tự động trong công nghiệp.

Học kỳ doanh nghiệp

Người học sẽ được thực tập các công việc liên quan đến lĩnh vực Kỹ thuật điều khiển & Tự động hóa trong các cơ quan, công ty, nhà máy, xí nghiệp công nghiệp...

Lập trình ứng dụng

Học phần này cung cấp những kiến thức và kỹ năng căn bản về lập trình lập trình có cấu trúc. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng đưa ra giải pháp và thành thạo lập trình các bài toán viết bằng ngôn ngữ lập trình C và Matlab. Đồng thời sinh viên có thể áp dụng các kiến thức đã học để hiểu, phân tích và áp dụng lập trình VĐK, lập trình nhúng, lập trình trên di động và giao tiếp máy tính. Ngoài ra sinh viên cũng được thực hành phương pháp làm việc nhóm, phương pháp thuyết trình.

III. ĐỘI NGŨ CBGD VÀ NGUỒN LỰC CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Danh sách đội ngũ giảng viên.

Các GV đảm nhiệm việc giảng dạy các HP cơ sở và chuyên ngành:

3.1.1. Danh sách các giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy

1	TS. Nguyễn Đức Quận	Giảng viên chính
2	TS. Phạm Thanh Phong	Giảng viên
3	ThS. Phạm Duy Dương	Giảng viên
4	ThS. Võ Anh Tuấn	Giảng viên
5	ThS. Cao Nguyễn Khoa Nam	Giảng viên
6	ThS. Nguyễn Tấn Hòa	Giảng viên
7	ThS. Võ Khánh Thoại	Giảng viên
8	ThS. Đỗ Hoàng Ngân Mi	Giảng viên
9	ThS. Dương Quang Thiện	Giảng viên

10	ThS. Nguyễn Ngọc Hoài Ân	Giảng viên
11	ThS. Nguyễn Văn Nam	Kỹ sư
12	KS. Trần Minh Hùng	Giáo viên
13	ThS. Phan Thị Thanh Vân	Giảng viên

3.1.2. Danh sách các giảng viên tham gia giảng dạy

1	PGS. TS Võ Trung Hùng	Giảng viên chính
2	TS. Nguyễn Linh Nam	Giảng viên chính
3	TS. Trần Hoàng Vũ	Giảng viên chính
4	TS. Hoàng Dũng	Giảng viên chính
5	TS. Nguyễn Thị Khánh Hồng	Giảng viên chính
6	TS. Trương Thị Hoa	Giảng viên
7	ThS. Doãn Văn Đông	Giảng viên chính
8	ThS. Phạm Văn Phát	Giảng viên
9	ThS. Phan Ngọc Kỳ	Giảng viên
10	ThS. Trần Duy Chung	Giảng viên
11	ThS. Trần Thanh Hà	Giáo viên
12	ThS. Lê Ngọc Quý Văn	Giáo viên
13	ThS. Võ Thị Hương	Giảng viên
14	ThS. Phạm Thị Thảo Khương	Giảng viên
15	TS. Hoàng Thị Mỹ Lệ	Giảng viên chính
16	TS. Phạm Tuấn	Giảng viên
17	ThS. Nguyễn Thị Hà Quyên	Giảng viên
18	ThS. Nguyễn Thị Thùy Trang	Giáo viên
19	ThS. Nguyễn Thị Thúy Hoài	Giảng viên
20	ThS. Trần Bửu Dung	Giảng viên
21	ThS. Nguyễn Văn Phát	Giảng viên
22	ThS. Lê Thiện Nhật Quang	Giáo viên
23	KS. Trương Thị Ánh Tuyết	Giáo viên

3.2. Các thiết bị thí nghiệm thực hành - phòng thí nghiệm - lab, phòng máy tính

Cơ sở vật chất của Khoa Điện - Điện tử luôn được chú trọng đầu tư, nâng cấp và đổi mới hằng năm. Nhiều thiết bị thí nghiệm, thực hành hiện đại được trang bị từ các hãng nổi tiếng như LabVolt, Lucas-Nulle, Siemens, Texas Instrument... đáp ứng tốt các yêu cầu về giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Hệ thống các Xưởng thực hành, Phòng thí nghiệm, Phòng máy tính của Khoa gồm:

3.2.1. Phòng thí nghiệm:

- Phòng thí nghiệm Tự động hóa
- Phòng thí nghiệm Hệ thống điện
- Phòng thí nghiệm Máy điện
- Phòng thí nghiệm Điện tử công suất
- Phòng thí nghiệm Cảm biến
- Phòng thí nghiệm Kỹ thuật điện tử
- Phòng thí nghiệm Hệ thống nhúng và Vi điều khiển

3.2.2. Xưởng thực hành:

- Xưởng thực hành Kỹ thuật điện 1
- Xưởng thực hành Kỹ thuật điện 2
- Xưởng thực hành Kỹ thuật điện tử

3.2.3. Phòng máy tính:

Phòng máy vi tính chuyên ngành

Phòng thực hành máy vi tính 1

Phòng thực hành máy vi tính 2

Phòng thực hành máy vi tính 3

Phòng thực hành máy vi tính 4

3.2.4. Các phương tiện phục vụ đào tạo khác của chuyên ngành

- Laptop
- Máy chiếu
- Các phần mềm chuyên ngành: Matlab, Step7, WinCC, TIAPO
- Hệ thống thực hành SCADA
- Phòng Maker Space (không gian sáng chế)

IV. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Hướng dẫn thực hiện chung

Tất cả các hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá được thực hiện phù hợp với bản đặc tả chương trình đào tạo này. Với những học phần tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những học phần thích hợp.

Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật hàng năm (thường là những thay đổi nhỏ như chính sách tuyển sinh, đề cương học phần, tài liệu giảng dạy và học tập) và rà soát 2 năm một lần (chủ yếu xem xét lại chuẩn đầu ra của chương trình, thêm hoặc bỏ bớt các học phần) để đáp ứng nhu cầu của các bên có liên quan. Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho Trường để xem xét và phê chuẩn theo quy định hiện hành.

Chương trình này là chương trình đào tạo theo tín chỉ, vì vậy:

- Giảng viên phải cung cấp chương trình chi tiết học phần kèm hình thức tổ chức dạy-học, cách thức đánh giá cho người học ngay buổi học đầu tiên. Cần lưu ý nội dung hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu đối với sinh viên để họ hoàn thành khối lượng kiến thức bài học theo yêu cầu tín chỉ (các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, yêu cầu của giảng viên đối với các vấn đề đó).

- Người học phải tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lựa chọn đúng học phần, biết tự tìm hiểu và xác định chương trình học tập, tự giác trong tự học, tự lên kế hoạch và lập thời gian biểu cho quá trình học tập.

4.2. Chương trình này được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực cho người học. Vì vậy, việc thực hiện chương trình phải đảm bảo các yêu cầu:

- Tập trung vào dạy cách học và rèn luyện năng lực tự học cho người học.

- Tinh giản lý thuyết, gắn lý thuyết với thực tiễn, tăng cường thực hành, thảo luận, học tập theo nhóm.
- Cần chú ý việc vận dụng các kiến thức vào giải quyết những vấn đề cụ thể, sát thực với cuộc sống.
- Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối học phần, đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học.
- Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá bằng hình thức vấn đáp hoặc thông qua các hoạt động thực hành, thuyết trình và các sản phẩm như báo cáo đánh giá, báo cáo tổng kết, tiểu luận, ...

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 10 năm 2020

BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG


Phạm Duy Cường


Phạm Hoàng Văn




PGS.TS. PHAN CAO THỌ